Dụ ngôn “Cùng Tử” trong kinh Pháp Hoa

ISSN: 2734-9195 14:10 21/04/2026

Và cũng chính ở đó, dụ ngôn khép lại không phải bằng một kết luận, mà bằng một cánh cửa mở: nơi mỗi người, nếu đủ tĩnh lặng, có thể tự hỏi mình đang đứng ở đâu trong hành trình trở về ấy.

Dẫn nhập

Bối cảnh đương đại, khi giáo dục ngày càng bị chi phối bởi mô hình truyền đạt **tri thức** mang tính kỹ thuật và công cụ, con người dường như đạt được sự gia tăng về thông tin nhưng lại đối diện với một nghịch lý sâu sắc: sự khủng hoảng trong nhận thức về chính mình. Những biểu hiện như mất phương hướng hiện sinh, cảm thức bất toàn, mặc cảm tự ti, hay sự lệ thuộc vào các cấu trúc xã hội và định kiến, cho thấy giáo dục hiện đại tuy phát triển về lượng nhưng chưa thực sự chạm đến chiều sâu chuyển hóa nội tâm của chủ thể.

Trong viễn tượng đó, việc quay trở lại khảo sát các mô hình giáo dục trong truyền thống tôn giáo - triết học trở thành một nhu cầu cấp thiết. Kinh Pháp Hoa nổi bật như một hệ thống tư tưởng giáo dục mang tính khai phóng, trong đó trọng tâm không phải là truyền đạt tri thức, mà là khai mở năng lực nhận biết vốn nội tại nơi con người. Một trong những biểu đạt điển hình nhất của mô hình này chính là dụ ngôn “cùng tử” (phẩm Tín Giải).



(Ảnh: Internet)

Dụ ngôn "cùng tử" không chỉ là một câu chuyện mang tính đạo đức hay tôn giáo, mà hàm chứa một cấu trúc sư phạm sâu sắc: hình ảnh người con đánh mất căn tính, sống trong mặc cảm tự ti, và dần dần được dẫn dắt để nhận lại gia tài vốn có, phản ánh một tiến trình giáo dục mang tính chuyển hóa nội tại.

Trong bối cảnh hiện đại, hình tượng này có thể được đọc lại như một ẩn dụ cho con người đương đại những chủ thể sở hữu tiềm năng nhận thức sâu sắc nhưng lại bị che phủ bởi các cấu trúc tâm lý và xã hội, dẫn đến việc không thể nhận ra giá trị chân thực của chính mình.

Bên cạnh đó, vấn đề kế thừa giáo pháp trong thời đại ngày nay cũng đặt ra nhiều thách thức. Sự gián đoạn giữa truyền thống và hiện đại, giữa giáo lý sâu xa và khả năng tiếp nhận của con người đương đại, khiến việc truyền trao giáo pháp nhiều khi rơi vào hai cực đoan: giản lược hóa nội dung đến mức mất đi chiều sâu và duy trì nguyên trạng nhưng thiếu tính thích ứng.

Việc tái tư duy về kế thừa giáo pháp không thể chỉ dừng ở việc bảo tồn nội dung, mà cần chuyển hướng sang xây dựng năng lực tiếp nhận và chuyển hóa nơi chủ thể. Dụ ngôn "cùng tử" trong kinh Pháp Hoa không chỉ mang ý nghĩa diễn giải kinh điển, mà còn mở ra một hướng tiếp cận mới cho vấn đề giáo dục và kế thừa trong thời đại hiện nay: từ mô hình truyền đạt sang mô hình chuyển hóa, từ việc trao truyền tri thức sang việc khai mở căn tính nhận thức.

Nội dung

Trong truyền thống Đại thừa, **Kinh Pháp Hoa** thường được nhìn nhận như bản tuyên ngôn tối hậu về Nhất thừa và tính phổ quát của Phật tính. Tuy nhiên, trong các nghiên cứu đương đại, dụ ngôn "Cùng Tử" (phẩm Tín Giải) phần lớn được khai thác dưới lăng kính cứu độ luận hoặc diễn tiến từ Thanh văn thừa đến Phật thừa, trong khi chiều kích giáo dục và vấn đề tính chính đáng của sự trao quyền vẫn chưa được phân tích đầy đủ.

Bối cảnh hiện nay, khi các thiết chế tôn giáo phải đối diện với vấn đề kế thừa, trao quyền và tính hợp pháp của lãnh đạo tinh thần, việc đọc lại dụ ngôn "Cùng tử" không chỉ mang ý nghĩa chú giải kinh điển, mà còn mở ra khả năng tái tư duy về nền tảng bản thể của giáo dục và quyền lực.

Bài viết lập luận rằng dụ ngôn "Cùng tử" kiến tạo một mô hình giáo dục bản thể luận, trong đó sự kế thừa chỉ được hợp pháp hóa khi chủ thể đạt đến sự hiển lộ phật tính; do đó, Pháp Hoa cung cấp một nền tảng lý thuyết độc đáo cho việc tái định nghĩa trao quyền trong đời sống tôn giáo đương đại.

Nền tảng văn bản và cấu trúc giáo dục tiệm tiến

Theo bản Hán dịch của Kumārajīva (鳩摩羅什), lưu trong Đại Chính tạng (T262, quyển 9), khi gặp lại con, trưởng giả không lập tức xác nhận thân phận hay trao kho báu. Ông nhận ra tâm lý "tự khinh hạ liệt" của đứa con và vì vậy áp dụng phương tiện thiện xảo để dẫn dắt từng bước. Đứa con ban đầu chỉ dám làm công việc hèn mọn; dần dần được giao quản lý tài sản; và cuối cùng mới được công bố là người thừa kế toàn bộ gia tài.

Điểm quyết định trong cấu trúc này không phải là quan hệ huyết thống, mà là tiến trình chuyển hóa nội tâm. Kho báu vốn thuộc về người con từ trước, nhưng không thể được trao khi chủ thể còn mặc cảm và thiếu năng lực nhận thức. Sự trao quyền vì thế không phải là hành vi ban phát, mà là hành vi xác nhận một sự trưởng thành đã đạt tới.

Jacqueline Stone khi nghiên cứu về tư tưởng giác ngộ nguyên sơ trong Pháp Hoa đã nhấn mạnh rằng kinh này chuyển trọng tâm từ việc "đạt được" sang việc "nhận ra" điều vốn sẵn có (Stone, 1999). Dụ ngôn "Cùng tử" minh họa chính xác tiến trình ấy: giáo dục không tạo ra bản thể mới, mà tháo gỡ những chướng ngại khiến bản thể giác ngộ không thể hiển lộ.

Phật tính phổ quát và nguyên tắc bình đẳng kế thừa

Nếu đọc dụ ngôn theo nghĩa đen, hình ảnh "con ruột" có thể bị hiểu như sự xác nhận đặc quyền gia tộc. Tuy nhiên, trong toàn bộ cấu trúc tư tưởng Nhất thừa,

“con” là biểu tượng của mọi chúng sinh. Không có cá nhân độc quyền Phật tính.



(Ảnh: Internet)

1. T.Suzuki cho rằng tư tưởng Phật tính trong Đại thừa thiết lập một nền nhân học bình đẳng, nơi tiềm năng giác ngộ không phụ thuộc vào địa vị hay xuất thân (Suzuki, 1927). Do đó, kế thừa trong Pháp Hoa không thể dựa trên huyết thống, mà phải dựa trên sự hiển lộ Phật trí.

Trưởng giả không tìm người khác thay thế, bởi vì mọi chúng sinh đều là “con”; nhưng ông cũng không trao kho báu vô điều kiện. Điều kiện duy nhất là sự trưởng thành nội tâm. Như vậy, sự hợp pháp của kế thừa không nằm ở cấu trúc xã hội, mà nằm ở sự xác chứng giác ngộ.

Đối thoại với lý thuyết giáo dục và tính chính đáng hiện đại

Đặt dụ ngôn "Cùng Tử" vào đối thoại với lý thuyết giáo dục hiện đại cho thấy chiều sâu sáng tạo của Pháp Hoa. Paulo Freire trong Pedagogy of the Oppressed (1970) phê phán mô hình giáo dục như hành vi "gửi tiền" và đề xuất giáo dục như tiến trình giải phóng ý thức. Dụ ngôn "Cùng tử" tương đồng ở chỗ nó từ chối sự áp đặt chân lý và khẳng định vai trò chủ động của người học. Tuy nhiên, trong khi Freire dừng lại ở bình diện giải phóng xã hội – chính trị, Pháp Hoa tiến xa hơn đến giải phóng bản thể: sự thức tỉnh Phật tính vượt lên trên căn tính xã hội.

Tương tự, Jürgen Habermas (1984) cho rằng tính hợp pháp của quyền lực phải được xác lập qua không gian công khai và sự thừa nhận liên chủ thể. Trong dụ ngôn, trưởng giả tuyên bố công khai trước đại chúng thân phận của người con, qua đó hợp pháp hóa sự trao quyền. Tuy nhiên, điểm khác biệt là tính hợp pháp này không chỉ dựa trên thủ tục giao tiếp, mà dựa trên sự trưởng thành tâm linh đã được chứng thực.

Charles Taylor (1994) nhấn mạnh vai trò của sự "công nhận" trong việc hình thành căn tính. Dụ ngôn "Cùng tử" cho thấy căn tính được công nhận công khai, nhưng không phải được tạo mới; nó vốn tồn tại từ trước. Như vậy, giáo dục trong Pháp Hoa là sự công nhận bản thể giác ngộ, chứ không phải sự kiến tạo căn tính từ bên ngoài.

Qua đối thoại này, có thể khẳng định rằng Pháp Hoa cung cấp một nền tảng bản thể luận cho giáo dục mà nhiều lý thuyết hiện đại chưa đạt tới: trao quyền không chỉ là phân phối quyền lực, mà là xác nhận giác ngộ.

Ứng dụng và mở rộng trong đời sống đương đại

Trong bối cảnh các thiết chế tôn giáo hiện nay phải đối diện với câu hỏi về kế thừa và tính chính đáng của lãnh đạo, dụ ngôn "Cùng tử" đề xuất một tiêu chuẩn rõ ràng: quyền lực chỉ chính đáng khi dựa trên trưởng thành tâm linh. Kế thừa không thể thuần túy dựa vào quan hệ huyết thống hoặc cơ chế hành chính, mà phải dựa vào năng lực giáo hóa và sự hiển lộ Phật trí.

Ở bình diện rộng hơn, mô hình giáo dục Pháp Hoa có thể đóng góp cho triết học giáo dục toàn cầu bằng cách tái định nghĩa mục tiêu của giáo dục. Giáo dục không chỉ nhằm truyền đạt tri thức hay đào tạo kỹ năng, mà nhằm đánh thức phẩm đức tối hậu của con người. Trong một thế giới đang khủng hoảng về căn tính và tính chính đáng của quyền lực, nguyên lý "hợp pháp hóa giác ngộ" có thể trở thành một nền tảng đạo đức cho việc tái cấu trúc giáo dục và lãnh đạo.

Dụ ngôn “Cùng tử” trong Kinh Pháp Hoa không thiết lập mô hình cha truyền con nối, mà kiến tạo một mô hình giáo dục bản thể luận, trong đó sự kế thừa chỉ được hợp pháp hóa khi chủ thể đạt đến sự hiển lộ Phật tính. Kho báu không phải tài sản vật chất, mà là Phật trí; sự trao quyền không phải đặc quyền, mà là xác nhận trưởng thành giác ngộ.

Đọc lại dụ ngôn này trong bối cảnh đương đại cho phép chúng ta đề xuất một đóng góp lý thuyết mới: giáo dục như sự hợp pháp hóa giác ngộ. Đây là điểm mà Pháp Hoa có thể đối thoại và vượt lên trên nhiều lý thuyết giáo dục hiện đại, đồng thời cung cấp nền tảng triết học cho việc tái tư duy về kế thừa và tính chính đáng trong đời sống tôn giáo và xã hội hôm nay.

Kết luận

Dụ ngôn “cùng tử” khép lại không phải ở khoảnh khắc người con nhận lại gia tài, mà ở sự lặng yên khi không còn gì để nhận. Bởi lẽ, điều đã từng bị xem là đánh mất chưa bao giờ thực sự rời khỏi; và hành trình trở về, xét cho cùng, không phải là một cuộc tìm kiếm, mà là sự tan đi của những lớp che phủ khiến cái vốn sẵn tự hiển lộ.

Trong ánh sáng ấy, kế thừa không còn mang dáng dấp của một sự chuyển giao, mà giống như ngọn lửa được nhận ra nơi chính mình. Ngọn lửa ấy không đến từ bên ngoài, cũng không thể được trao bằng lời hay bằng hình thức; nó chỉ bừng sáng khi những gì ngăn che đã lắng xuống. Vì vậy, có những lúc tưởng như đang trao, nhưng thực ra chỉ là chờ; và có những khi tưởng như chưa nhận, mà kỳ thực đã đầy đủ từ lâu.

Dụ ngôn, vì thế, không chỉ kể về một người con trở về, mà còn khơi mở một khoảng lặng để người đọc tự soi chiếu: điều gì là gia tài và điều gì là khả năng nhận ra gia tài ấy. Nếu cái được trao không chạm đến chỗ sâu nhất của tự tâm, thì dù hình thức có viên mãn đến đâu, sự tiếp nối vẫn chỉ là bóng của chính nó.

Có lẽ, điều được gọi là kế thừa chưa bao giờ nằm trọn trong một khoảnh khắc tuyên bố, mà âm thầm diễn ra nơi sự chín muồi không thể cưỡng cầu. Khi không còn khoảng cách giữa người trao và người nhận, giữa cái được giữ gìn và cái được tiếp nối, thì lúc ấy, truyền thống không còn là cái gì phải duy trì, mà tự nhiên sống dậy như hơi thở.

Dụ ngôn khép lại không phải bằng một kết luận, mà bằng một cánh cửa mở: nơi mỗi người, nếu đủ tĩnh lặng, có thể tự hỏi mình đang đứng ở đâu trong hành trình trở về ấy.

Tác giả: **NCS Thích nữ Bảo Giác -** Học viện PGVN tại Hà Nội

***

Tài liệu tham khảo:

1] Freire, P. (1970). Pedagogy of the oppressed. Continuum.

2] Habermas, J. (1984). The theory of communicative action, Volume 1: Reason and the rationalization of society. Beacon Press.

3] Kumārajīva (Trans.). (n.d.). 妙法蓮華經 (The Lotus Sutra). In Taishō Tripiṭaka (T262, Vol. 9).

4] Stone, J. I. (1999). Original enlightenment and the transformation of medieval Japanese Buddhism. University of Hawai‘i Press.

5] Suzuki, D. T. (1927). Essays in Zen Buddhism. Luzac & Company.

6] Taylor, C. (1994). Multiculturalism: Examining the politics of recognition. Princeton University Press.